

Số: 114/2018/QĐST - HNGĐ

Yên Thế, ngày 30 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 20-8-2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn TC, xã ĐL, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đặng Trần K, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã ĐT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam NH, Cục C10, Bộ công an.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Anh Đinh Công T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn LC, xã ĐT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2018 và văn bản ghi ý kiến đối với kết quả hòa giải ngày 22-8-2018 của anh Đinh Công T,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2018, văn bản ngày 22-8-2018 của anh Đinh Công T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vũ Thị T và anh Đặng Trần K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị T và anh K thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Đặng Trần P, sinh ngày 17-9-2008 và cháu Đặng Trần H, sinh ngày 20-8-2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh K có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- Về tài sản, ruộng canh tác: Chị T và anh K cùng thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T, anh K và anh T thống nhất thỏa thuận: Chị T có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), anh K có trách nhiệm trả cho anh T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Anh T không yêu cầu lãi suất chậm trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Chị T thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn, án phí dân sự nhưng chị T tự nguyện chịu thay anh K 75.000 đồng tiền án phí ly hôn và 250.000 đồng tiền án phí dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2014/0004299 ngày 20-8-2018 do chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Chị T còn phải nộp 25.000 đồng (Hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm sát ND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế;
- UBND xã ĐT;
- Lưu hồ sơ.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Trang

